

Số: 1856 /TB-HĐTDVC

Nhà Bè, ngày 12 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2); tổ chức ôn tập và nộp phí xét tuyển viên chức

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện về phê duyệt danh sách đủ điều kiện, tiêu chuẩn và không đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2).

Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2) (sau đây viết tắt là Hội đồng) thông báo một số nội dung như sau:

1. Thông báo Danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2) do Ủy ban nhân dân Huyện tổ chức (theo danh sách đính kèm).

2. Lịch ôn tập và hướng dẫn thí sinh.

a) Hình thức: Tổ chức hướng dẫn cho thí sinh theo hình thức trực tiếp.

b) Thời gian: 14 giờ, ngày 19/12/2022 (thứ Hai).

c) Địa điểm: Hội trường Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu (địa chỉ 2596/20A Huỳnh Tấn Phát, Ấp 5, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè).

3. Đề nghị thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2) nộp phí xét tuyển, cụ thể như sau:

- Thời gian: Từ 14 giờ 00 phút ngày 19 đến ngày 21/12/2022.

- Phí xét tuyển: 400.000 đồng/người¹.

- Hình thức thu phí: Trực tiếp tại Phòng Giáo dục và Đào tạo (địa chỉ 306/5 Nguyễn Bình, Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè; liên hệ bà Võ Thị Thanh Kim Huệ, điện thoại: 0909.949.302).

Hội đồng đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên và các cơ quan, đơn vị thông báo đến từng thí sinh để chủ động thực hiện. *tau*

Nơi nhận:

- UBND Huyện: CT, PCT (phụ trách);
- Hội đồng tuyển dụng (để báo cáo);
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm GDNN-GDTX;
- Trường THCS Lê Văn Hur;
- Lưu: VT, t.



**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**TRƯỞNG PHÒNG NỘI VỤ
Lê Quang Sơn**

¹ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng và phí dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC NĂM 2022 (ĐỢT 2)

DANH SÁCH CHẤM ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2022 (ĐỢT 2)
(Đính kèm theo Tờ trình số 1856 /TTr-HĐTDVC ngày 12 tháng 1 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Lê Thị Hồng	Hoa	28	5	1990	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non	B	B			
2	Nguyễn Thị Phụng	Kiều	30	3	1993	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non					
3	Phạm Thị Huỳnh	Như	15	9	2000	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non					
4	Nguyễn Hoàng Kim	Tiến	24	6	1996	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non	B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
5	Trần Thị Kim	Hoa	29	12	1994	x	Trường Mầm non Hoa Mí	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non	Anh B	Ứng dụng CNTT nâng cao			Chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ
6	Trương Nguyễn Thảo	Trâm	16	06	1993	x	Trường Mầm non Vàng Anh	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Cử nhân	Kế toán	Toeic 500	Ứng dụng CNTT cơ bản			
7	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01	11	1998	x	Trường Mầm non Vàng Anh	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non	B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
8	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	13	06	1998	x	Trường Mầm non Vàng Anh	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non					
9	Phạm Thị Mỹ	Loan	04	02	1996	X	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non	B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
10	Phạm Lâm Bảo	Nhi	07	08	2000	X	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non	B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			

STT	Họ và tên			Ngày, tháng, năm sinh			Giới tính	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
				Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					BT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
11	Phạm Thị Mỹ	An	06	12	1992	X	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng	Giáo dục mầm non						
12	Nguyễn Việt	Trình	24	8	1994	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non	Tiếng Anh trình độ B	Ứng dụng CNTT cơ bản				
13	Trần Ngọc Kim	Châu	27	4	1996	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non						
14	Nguyễn Thị Kim	Huệ	25	4	1996	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cử nhân	Giáo dục mầm non		A				
15	Phạm Thị Cẩm	Nhung	2	6	1985	x	Trường Mầm non Mạ Non	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Cử nhân	Kế toán	Tiếng Anh trình độ A2	Ứng dụng CNTT cơ bản				
16	Lê Trung	Hào	30	12	1996		Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục Thể chất	Trình độ B	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
17	Lâm Ngọc	Liên	01	01	1998	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục Thể chất	Chung nhận tiếng Anh	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
18	Đặng Hoài	Mỹ	18	12	2000	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục tiểu học	Trình độ B1	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
19	Hồ Ngọc	Hải	10	09	1998		Trường Tiểu học Lâm Văn Bền	Giáo viên dạy Âm nhạc	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc						
20	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	26	12	1994	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục tiểu học	Tiếng Anh B	B				
21	Lê Thanh	Phong	29	11	2000		Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Sư phạm thể dục thể thao	B1	Ứng dụng CNTT cơ bản				
22	Trần Ngọc Tuyết	Nhi	9	7	1995	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục tiểu học						
23	Phạm Anh	Tú	22	9	1994		Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Sư phạm tiểu học						

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
24	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	16	03	1983	x	Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Thư viện; Thư viện, thiết bị	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trung cấp	Thư viện	B	B	ĐT2	5	Con thương binh (loại A)
25	Nguyễn Thị	Thảo	17	09	1998	x	Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục tiểu học	Bậc 3	Ứng dụng CNTT cơ bản			
26	Trần Thị Cẩm	Duyên	22	01	1993	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung cấp	Y sĩ	B	Ứng dụng CNTT Cơ bản			
27	Trần Ngọc Khánh	Hoàn	22	8	2000	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản			
28	Đào Thị Xuân	Lan	24	1	1979	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Cử nhân	Kế toán	Tiếng Anh - Trình độ B	A			
29	Trần Thị Ngọc	Đào	30	1	1985	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Thư viện; Thư viện, thiết bị	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trung cấp	Thư viện - Thiết bị trường học	Tiếng Anh - Trình độ B	B			
30	Võ Thị Thu	Hiếu	3	9	1982	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Cao đẳng	Kế toán		A			Chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ
31	Nguyễn Phương	Quan	05	03	1981		Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục tiểu học	Anh - B	B			
32	Nguyễn Thị	Bích	06	04	1991	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục tiểu học	Anh - B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
33	Nguyễn Hồng	Cầm	16	03	1997	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục tiểu học	Anh - B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
34	Trần Ngọc Anh	Thư	24	08	1998	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Thư viện; Thư viện, thiết bị	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử	Anh - B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
35	Lê Duy	Đạt	9	10	1997		Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy Thẻ đục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Giáo dục Thẻ chất	Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
36	Lê Thị Phương	Mai	24	2	1993	x	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân	Sư phạm Tiếng anh					

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đổi tương, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
37	Nguyễn Thị Huyền	Trần	07	08	1997	X	Trường Tiểu học Trang Tân Khương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cư nhân	Giáo dục tiểu học	B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
38	Huyền Thiên	Thanh	20	01	1994	X	Trường Tiểu học Trang Tân Khương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cư nhân	Giáo dục tiểu học	B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
39	Lê Thị Mỹ	Linh	18	5	1992	X	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cư nhân	Giáo dục tiểu học	Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
40	Nguyễn Gia	Linh	15	12	2000	X	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cư nhân	Giáo dục tiểu học	Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
41	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	10	7	1999	X	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cư nhân	Giáo dục tiểu học	Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
42	Tân Tuệ	Tú	19	5	1993	X	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư	02.008	Trung cấp	Văn thư - Lưu trữ	Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B2	B			
43	Trần Thế Thủy	Loan	2	2	1984	X	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thái	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Cư nhân	Cư nhân Kế toán	B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
44	Huyền Thị	Chen	22	4	1970	X	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thái	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung học chuyên nghiệp	Kế toán doanh nghiệp	B	Tin học ứng dụng			Chứng chỉ sơ cấp Văn thư trường học
45	Nguyễn Hà Cẩm	Phụng	22	3	1997	X	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thái	Thư viện, Thư viện, thiết bị	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trung cấp	Thư viện - Thiết bị trường học					
46	Đỗ Thị	Den	05	5	1987	X	Trường Trung học cơ sở Hải Bà Trưng	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cư nhân	Cư nhân Sư phạm Địa lý					
47	Trần Thị Huỳnh	Tiền	01	01	2000	X	Trường Trung học cơ sở Hải Bà Trưng	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cư nhân	Cư nhân Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh bậc 3	Ứng dụng CNTT cơ bản			
48	Lâm Thủy	Vy	19	5	1997	X	Trường Trung học cơ sở Hải Bà Trưng	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cư nhân	Cư nhân Giáo dục Chính trị	Tiếng Anh bậc 2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
49	Đặng Nguyễn Thị Mỹ	Linh	07	12	1998	X	Trường Trung học cơ sở Hải Bà Trưng	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cư nhân	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh bậc 3	Tin học cơ bản			

STT	Họ và tên			Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Điểm tương đương ưu tiên		Ghi chú
				Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
50	Huỳnh Thanh	Phước	10	10	2000			Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Cử nhân Giáo dục Thể chất		Ứng dụng CNTT cơ bản			
51	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	01	01	1998	x		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh bậc 2	Ứng dụng CNTT cơ bản			
52	Nguyễn Thị Mộng	Hồng	05	02	1978	x		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Cử nhân	Kế toán	Tiếng Anh bậc 2	Ứng dụng CNTT cơ bản			Chứng chỉ nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ
53	Phạm Thị	Nga	26	02	1999	x		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Tiếng Anh trình độ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
54	Võ Nguyễn	Bảo	15	08	1999			Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Ứng dụng CNTT cơ bản			
55	Nguyễn Văn	Hán	27	05	1968			Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy vật lý	Tiếng Nga trình độ C	B			
56	Huỳnh Ngọc	Sang	01	06	1995			Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	Tiếng Anh trình độ Bậc 3	A			
57	Nguyễn Thị Lệ	Duyên	18	12	1997	x		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và hóa lí					
58	Hồ Văn	Hậu	08	07	1999			Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	Tiếng Anh trình độ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
59	Trần Thị Bích	Hào	06	05	1999	x		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	Tiếng Anh trình độ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
60	Trần Minh	Phương	20	07	1997	x		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh					
61	Huỳnh Thị Phương	Kiều	27	09	1988	x		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Tiếng Anh trình độ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			
62	Thềm Ngọc Sơn	Tuyền	29	5	1998	x		Trường Trung học cơ sở Lê Thánh Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	Bậc 3	Ứng dụng CNTT Cơ bản			

STT	Họ và tên			Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tín học	Đổi tương, điểm ưu tiên		Ghi chú
				Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
63	Phạm Thị Thủy	Duyên	12	6	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Hóa học		Đại học				
64	Dương Hồng	Phượng	17	7	1993	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Hóa học						
65	Dư Thủy	Uyên	13	9	2000	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán	A2	Ứng dụng CNTT Cơ bản				
66	Tà Hoàng	Bào	17	9	1998		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán						
67	Nguyễn Thị	Ngọc	2	3	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán	Bậc 3	A				
68	Trần Minh	Đức	2	3	1992		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán	Bậc 2	Ứng dụng CNTT Cơ bản				
69	Phạm Minh	Phúc	27	6	1989		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Toán		Ứng dụng CNTT trong dạy học				
70	Trần Hoàng	Nghi	13	5	1992		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán	B	B				
71	Lê Đức	Đạt	4	3	1996		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán	B	Ứng dụng CNTT Cơ bản				
72	Trần Đình	Thiện	20	1	1982		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Vật Lý		Ứng dụng CNTT Cơ bản				
73	Đỗ Ngọc Quân	Thủy	31	8	1998	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Vật Lý	B1	Ứng dụng CNTT Cơ bản				
74	Phan Thị	Hiếu	7	9	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Vật Lý	B	A				
75	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	18	2	1998	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng CNTT Cơ bản				

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
76	Nguyễn Thị Hồng	Như	16	10	1995	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng CNTT Cơ bản			
77	Nguyễn Ngọc Thu	Ngân	12	11	1992	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	B1	B			
78	Trần Hoàng	Nhân	28	10	1992		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Mỹ thuật	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư Phạm Mỹ thuật					
79	Phạm Tấn	Dương	2	6	2000		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Tin học căn bản			
80	Nguyễn Thị Thanh	Phương	26	6	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	A2	Tin học căn bản			
81	Phạm Thanh	Thiên	17	4	1985		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Thạc sĩ	Công nghệ Hóa	B	Ứng dụng CNTT Cơ bản			
82	Nguyễn Thị	Tường	2	4	1990	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	C	B			
83	Ngô Thanh	Bình	13	7	1999		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Ứng dụng CNTT Cơ bản			
84	Bùi Thanh	Duy	1	1	1990	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán học	B1	Ứng dụng CNTT Cơ bản			
85	Hồ Thị Ngọc	Hoa	21	2	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Toán học	B	A			
86	Đoàn Văn	Dẫn	22	10	1997		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Lịch sử	B1	Ứng dụng CNTT Cơ bản			
87	Trần Thiện	Thanh	17	1	1998		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Ứng dụng CNTT Cơ bản			
88	Nguyễn Ngọc	Trám	21	10	1993	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng CNTT Cơ bản			

STT	Họ và tên			Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đổi tương đương ưu tiên		Ghi chú
				Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
89	Võ Ngọc Khôi	Nguyễn	18	7	2000	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Sinh học	IELTS 5.5	Ứng dụng CNTT Cơ bản				
90	Trần Thị	Út	25	12	1991	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Tin học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Tin học						
91	Lâm Thanh	Ngọc	09	03	1994	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Ngữ văn Anh	Cử nhân tiếng Anh	Ứng dụng CNTT cơ bản				
92	Hoàng Thị Nguyệt	Ngà	21	05	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh	Cử nhân tiếng Anh	Ứng dụng CNTT cơ bản				
93	Phan Thị Thanh	Quy	04	10	1996	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh A2	B				
94	Lương Đình	Nhất	17	01	1979		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Sinh -KTNN						
95	Võ Đăng Đình	Phong	14	01	1999		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Sinh học	Tiếng Anh B1	Ứng dụng CNTT cơ bản				
96	Vũ Thị	Duyên	06	02	2000	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản				
97	Nguyễn Văn	Thị	30	04	1990		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Mỹ thuật	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Mỹ thuật	Toiic 300	A				
98	Nguyễn Thị Kim	Ngân	28	01	1989	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Cử nhân	Kế toán	Tiếng Anh B	B				
99	Dương Thiên	Phuong	11	11	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Bậc 3	Ứng dụng CNTT cơ bản				
100	Hà Văn	Đặng	26	4	1998		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	B1	Ứng dụng CNTT				
101	Đỗ Nguyễn	Duy	18	8	2000		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	Bậc 3	Ứng dụng CNTT cơ bản				

STT	Họ và tên			Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Điểm ưu tiên		Chi chủ
				Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT	Điểm ưu tiên	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
102	Phan Thị Bích	Nhân		07	02	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Bậc 3	Ứng dụng CNTT cơ bản			
103	Lương Thị Tuyết	Nhung		10	11	1983	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh		Ứng dụng CNTT cơ bản			
104	Nguyễn Huỳnh Bình	An		5	11	1997		Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Giáo dục thể chất					
105	Ngô Thị Tuyết	Nhung		4	10	1990	x	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Cử nhân	Kế toán	Tiếng Anh B	Ứng dụng CNTT cơ bản			
106	Đỗ Tuấn	Kiệt		10	1	1987		Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Công nghệ thông tin	Cán sự	01.004	Cử nhân	Tin học					
107	Vương Trần Thùy	Dung		31	7	1991	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hữu	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn					
108	Nguyễn Thị Tâm	Duyên		01	8	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hữu	Giáo viên dạy Âm nhạc	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc					
109	Bùi Gia	Quân		01	6	1984		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hữu	Thiết bị, thí nghiệm	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Cử nhân	Luật	A2	A			Trung cấp thư viện - Thiết bị trường học
110	Nguyễn Văn	Anh		2	10	2000	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.04.07.32	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Ứng dụng CNTT Cơ bản			
111	Bùi Thị Thanh	Thúy		27	10	1986	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Kế toán	Kế toán viên	06.031	Cử nhân	Kế toán kiểm toán	A2	Ứng dụng CNTT Cơ bản	-		
112	Ngô Thị Tiểu	Yến		16	2	1990	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	Cử nhân	Tiếng anh chuyên ngành sư phạm	B2	B			
113	Trình Văn	Hiệp		25	11	1987		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Cử nhân	Sư phạm Địa Lý	Ngoại ngữ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản			

STT	Họ và tên			Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Đổi tương, điểm ưu tiên		Ghi chú
				Ngày	Tháng	Năm				Tên	Mã số					ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
114	Nguyễn Ngọc	Son	13	11	1992		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B	Ứng dụng CNTT nâng cao				
115	Trần Nguyễn Anh	Khoa	20	5	1987		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Bậc 3 (ngoại ngữ)	Ứng dụng CNTT cơ bản				
116	Nguyễn Thị	Nga	23	1	1988	x	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Bậc 3 (ngoại ngữ)	Ứng dụng CNTT cơ bản				
117	Nguyễn Quốc	Sinh	25	5	1985		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Cử nhân	Sư phạm Toán						
118	Trần Văn	Khoe	9	11	1998		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Cử nhân	Đào tạo giáo viên THPT	Chứng chỉ Tiếng anh bậc 3	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
119	Nguyễn Minh	Phái	26	7	1987		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	Cử nhân	Sư phạm Toán	Tiếng Anh B	A				
120	Võ Văn	Thành	17	8	1998		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo vụ	Chuyên viên	01.003	Cử nhân	Luật	Tiếng Anh trình độ B	Ứng dụng CNTT cơ bản				
121	Nguyễn Bá	Đạt	5	4	19892		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Giáo vụ	Chuyên viên	01.003	Cử nhân	Luật Kinh doanh	Tiếng Anh B	Tin học ứng dụng trình độ B				
122	Trần Hoàng	Son	7	3	1997		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Đào tạo nghề, hướng nghiệp	Chuyên viên	01.003	Cử nhân	Luật	Tiếng Anh A2	Ứng dụng CNTT cơ bản				

Danh sách có 122 (Một trăm hai mươi hai) người /

Danh sách có 122 (Một trăm hai mươi hai) người./

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIỆN CHỨC NĂM 2022 (ĐỢT 2)



DANH SÁCH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2022 (ĐỢT 2)

(Đính kèm theo Tờ trình số 1856 /TTT-HĐTDVC ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ và tên			Ngày, tháng, năm sinh		Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Lý do không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi
				Ngày	Tháng	Năm			Tên	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trần Thị	Thu	17	5	1998	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy nhiều môn	viên tiểu học hạ	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học			Chưa nhận Bằng tốt nghiệp Đại học giáo dục tiểu học
2	Trần Hữu	Tĩnh	21	12	1991		Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh - A	UDCNTTCB	Chưa nhận Bằng tốt nghiệp Đại học giáo dục tiểu học
3	Nguyễn Thị	Hà	10	07	1997	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh - B	UDCNTTCB	Chưa nhận Bằng tốt nghiệp Đại học giáo dục tiểu học
4	Nguyễn Thị Nguyệt	Quế	22	9	1996	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế	V.08.03.07	Cử nhân	Điều dưỡng đa khoa			Trung cấp y sĩ trở lên
5	Chung Ngọc	Thắm	24	2	1983	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thié	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp	Trung cấp Kế toán - Sơ cấp Văn Thư lưu trữ	B	Chứng chỉ	Bằng tốt nghiệp cấp ngày 05/11/2022
6	Nguyễn Thị Kim	Cúc	19	6	1998	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên tiếng Anh	viên tiểu học hạ	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	UCCNTT CB	Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm
7	Nguyễn Thị Kim	Thùy	3	8	1998	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên tiếng Anh	viên tiểu học hạ	V.07.03.29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	UCCNTT CB	Chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm

Danh sách có 07 (Bảy) người./

